

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC DẠY HỌC PHÂN HÓA CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

NGUYỄN THỊ THANH HIỀN
Khoa Chính trị và Tâm lý Giáo dục,
Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Nhận bài ngày 19/5/2026. Sửa chữa xong 09/6/2026. Duyệt đăng 12/6/2026.

Abstract

In the context of Vietnam's 2018 General Education Curriculum, differentiated instruction has become essential for primary teachers to address students' diverse abilities, needs, and characteristics. This study examines the differentiated instruction competence of 220 Primary Education students at Hung Vuong University from cohorts K20, K21, and K22. Data were collected through questionnaires and analyzed using SPSS 20.0 based on a five-component competency framework. The results show that students' competence ranged from moderate to good levels: K20 reached a good level (Mean = 4.07), K21 also achieved a good level (Mean = 3.59), while K22 attained a moderate level (Mean = 3.15). Designing differentiated lesson plans was rated highest, whereas instructional implementation, classroom management, and student assessment remained limited, especially among lower-year students. Accordingly, the study proposes measures such as raising awareness, developing a competency development process in the context of digital transformation, and strengthening professional practice in primary schools.

Keywords: Differentiated instruction, differentiated instruction competence, primary education.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xã hội hiện đại không chỉ đòi hỏi người lao động có những phẩm chất và năng lực chung mà còn yêu cầu mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng, sở trường và khả năng thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thị trường lao động. Điều này đặt ra yêu cầu đối với giáo dục phổ thông (GDPT) phải quan tâm đến sự khác biệt của người học, tạo cơ hội để mỗi học sinh (HS) được phát triển phù hợp với đặc điểm và năng lực riêng của mình. Trong thực tiễn giáo dục, mặc dù HS cùng độ tuổi có những đặc điểm phát triển tâm sinh lý tương đồng, song mỗi em lại có sự khác biệt về năng lực nhận thức, phong cách học tập, hứng thú, nhu cầu, động cơ học tập cũng như điều kiện sống và hoàn cảnh gia đình. Những khác biệt này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập và sự phát triển cá nhân của HS. Do đó, việc tổ chức dạy học theo hướng tôn trọng và đáp ứng sự đa dạng của người học là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm công bằng trong giáo dục và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi HS (Tomlinson, 2014).

Yêu cầu này càng trở nên quan trọng đối với giáo dục tiểu học (GDTH) – bậc học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Theo Luật Giáo dục năm 2019, GDTH nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản của HS. Đây là giai đoạn đặt nền móng cho sự hình thành nhân cách, kỹ năng sống và năng lực học tập, tạo tiền đề cho quá trình học tập ở các cấp học tiếp theo cũng như sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân (Quốc hội, 2019). Vì vậy, nâng cao chất lượng GDTH có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của nguồn nhân lực và của đất nước.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực người học, Chương trình GDPT 2018 xác định

Email: nguyenthithanhhiem@hvu.edu.vn

dạy học phân hóa là một trong những quan điểm cốt lõi của đổi mới giáo dục. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), dạy học phân hóa được hiểu là “định hướng dạy học phù hợp với các đối tượng HS khác nhau, nhằm phát triển tối đa tiềm năng vốn có của mỗi HS dựa vào đặc điểm tâm - sinh lí, khả năng, nhu cầu, hứng thú và định hướng nghề nghiệp khác nhau của HS”. Đồng thời, chương trình được thiết kế theo hướng mở, trao quyền chủ động nhiều hơn cho địa phương, nhà trường và giáo viên trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn và đặc điểm người học. Những định hướng trên đòi hỏi các cơ sở GDPT phải đổi mới mạnh mẽ hoạt động quản lý chuyên môn, phát triển chương trình giáo dục nhà trường và tổ chức dạy học đáp ứng sự đa dạng của HS. Trong đó, giáo viên tiểu học giữ vai trò trực tiếp hiện thực hóa mục tiêu dạy học phân hóa thông qua việc thiết kế, tổ chức và điều chỉnh các hoạt động dạy học phù hợp với từng nhóm đối tượng HS. Vì vậy, năng lực dạy học phân hóa (DHPH) trở thành một thành tố quan trọng trong năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu đổi mới GDPT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dạy học phân hóa

Tomlinson C.A (2014) chỉ ra rằng: Giáo viên phải DHPH để tăng động lực cho người học và quan trọng hơn là đạt được “công bằng trong học tập”. Nói cách khác, công bằng trong giáo dục có nghĩa là mọi người học trong lớp học được đối xử như nhau. Theo Khlood K. Alshareef (2018) “Dạy học phân hóa là phương pháp giảng dạy giúp giáo viên giải quyết và phản ánh nhu cầu của tất cả người học”. Phương pháp giảng dạy phân hóa trong lớp học có nhiều lợi thế như tăng động lực cho HS, giải quyết nhu cầu học tập của các em và cải thiện môi trường học tập”.

Tác giả Đặng Thành Hưng (2008) cũng có đưa ra quan điểm: “Dạy học phân hóa là chiến lược dạy học dựa vào sự khác biệt của nhóm hay cá nhân người học nhằm làm cho chương trình, bài giảng và quá trình dạy học nói chung thích ứng tốt hơn với những khác biệt này, nhờ vậy có thể hiệu quả cao hơn”. Đồng quan điểm với nhận định này, tác giả Nguyễn Thị Thu Hương (2016) cũng đưa ra nhận định: “Dạy học phân hóa là một cách tiếp cận dạy học mà ở đó giáo viên điều chỉnh quá trình dạy học cho phù hợp với từng cá nhân hoặc nhóm HS nhằm phát triển tối đa năng lực học tập của HS”.

Từ định nghĩa của các tác giả khác nhau, tôi đưa ra khái niệm về DHPH như sau: Dạy học phân hóa là một quan điểm dạy học tập trung vào việc thiết kế giảng dạy xuất phát từ tình hình thực tế của HS, dựa vào đặc điểm cá nhân, tâm lí, sinh lí, nhu cầu, động cơ, hứng thú, nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh... từ đó giáo viên tìm cách dạy cho phù hợp.

2.2. Năng lực dạy học phân hóa

Năng lực dạy học phân hóa là một trong những năng lực dạy học quan trọng cần hình thành và phát triển cho sinh viên (SV) Sư phạm nói chung và SV ngành GDTH nói riêng. Việc xác định một cách đúng đắn về các năng lực DHPH của SV ngành GDTH trong các trường sư phạm và xác định các tiêu chí và chỉ báo cụ thể theo từng năng lực thành phần có vai trò quan trọng, tạo cơ sở để nhà trường mà trực tiếp là đội ngũ GV định hướng tổ chức các hoạt động phát triển năng lực DHPH cho SV ngành GDTH; đồng thời, nó cũng là cơ sở để SV ngành GDTH tự đánh giá, rèn luyện phát triển năng lực DHPH của bản thân. Tác giả Vũ Việt Hùng (2023) cho rằng: năng lực DHPH của SV ngành Giáo dục Thể chất ở các trường đại học Sư phạm là tổ hợp các thao tác, hành động của SV nhằm thực hiện quá trình dạy học có sự phân biệt những cá nhân hay nhóm HS trong lớp học dựa trên các tiêu chí khác biệt nhất định của HS để đạt được mục đích, nhiệm vụ DHPH đã đề ra, đó là giúp HS hình thành, phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe, kỹ năng vận động, thói quen tập luyện thể dục thể thao và rèn luyện những phẩm chất, năng lực (năng lực) để trở thành người công dân phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế, góp phần phát triển tầm vóc, thể lực người Việt Nam; đồng thời phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hiền, Lê Thị Hồng Chi (2024) đã xây dựng khung

năng lực dạy học phân hóa cơ bản và đặc thù của SV ngành GDTH bao gồm 5 nhóm năng lực đặc thù: Năng lực nghiên cứu đặc điểm tâm lí và phân loại HS; Năng lực thiết kế bài học theo hướng phân hóa; Năng lực tổ chức thực hiện bài học phân hóa; Năng lực quản lý hoạt động dạy học và quản lý HS, Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS. Chúng tôi lấy khung năng lực đã xây dựng này để thực hiện khảo sát, tìm hiểu thực trạng.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nghiên cứu trước đây, trong nghiên cứu này năng lực DHPH của SV ngành GDTH được hiểu là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm nghề nghiệp để nghiên cứu đặc điểm người học, thiết kế, tổ chức, quản lý và đánh giá các hoạt động dạy học phù hợp với sự khác biệt về năng lực, nhu cầu, hứng thú và điều kiện học tập của HS tiểu học; qua đó tạo cơ hội cho mọi HS được tham gia học tập và phát triển tối đa tiềm năng cá nhân theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

2.3. Đặc điểm sinh viên ngành Giáo dục tiểu học Trường Đại học Hùng Vương

SV ngành GDTH Trường Đại học Hùng Vương mang những đặc điểm chung của SV Sư phạm bên cạnh đó cũng có những đặc điểm tâm lí riêng gắn với chuyên ngành được đào tạo. Những nét đặc thù này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập, rèn luyện phát triển năng lực và phẩm chất nghề nghiệp.

SV ngành GDTH đang học làm nhà giáo, trong tư duy và nhận thức của các em có những đặc điểm của tư duy sư phạm, tức là tư duy khoa học nhưng giàu hình tượng và xúc cảm bởi tính chất của nghề sư phạm tác động đến. HS học tập và sống trong môi trường sư phạm, giao lưu với các nhà giáo và HS khi thực tập, thực hành, kiến tập ở trường tiểu học nên xung quanh các em là các quan hệ thầy - trò nên tư duy giáo dục giữ vị trí quan trọng ở các em. Trong tư duy và nhận thức của SV sư phạm tiểu học còn có đặc điểm nổi bật là sự phát triển cao của tư duy và nhận thức ngôn ngữ vì trong đào tạo và sau này trong nghề các SV sử dụng ngôn ngữ và tư duy ngôn ngữ hàng ngày.

Nhu cầu của SV ngành GDTH mang tính xã hội cao và nhu cầu bậc cao chi phối các em. Bởi vì nghề dạy học sau này SV làm là loại nghề có tính xã hội hóa cao độ. Do sự chi phối mạnh mẽ của nhu cầu nghề nghiệp và nhu cầu xã hội phát triển cao nên hứng thú của SV sư phạm tiểu học cũng tập trung vào tính chất và nội dung nghề nghiệp, ví dụ như rèn luyện tay nghề, trẻ em, gia đình và nhà trường, những sự kiện trong nghề nhà giáo.

Động cơ nghề nghiệp: Với SV ngành GDTH Trường Đại học Hùng Vương từ khóa K20 tuyển sinh năm học 2021-2022, điểm xét tuyển cao trung bình 27 điểm, theo phương thức xét tuyển học bạ và điểm thi THPT. SV được nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường theo Nghị định 116/2020/NĐ - CP. Vì vậy, SV có động cơ học tập được thúc đẩy bởi động cơ bên ngoài.

Mục đích hoạt động của SV ngành GDTH là trở thành giáo viên trong trường tiểu học trong tương lai - một nghề nghiệp đặc thù - một thứ lao động "siêu lao động", mà sản phẩm của hoạt động này chính là nhân cách của con người. Đây là hoạt động nghề nghiệp mà đất nước giao phó cho SV một trọng trách to lớn. Giáo dục có vai trò quan trọng, thực hiện nhiệm vụ hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để tiếp tục học các bậc cao hơn. Vì vậy, SV ngành GDTH có sự chăm chỉ, cần cù, chủ động tích cực tham gia các hoạt động rèn nghề.

Năng lực học tập: SV ngành GDTH có năng lực học tập và kĩ năng sống. Vì thế, SV ngành GDTH ngoài việc học tập để nắm được các tri thức xã hội, tri thức chuyên môn, họ còn phải học cách tái tạo lại những tri thức đó, tức là "học cách dạy" - cách làm thầy, đồng thời phải chiếm lĩnh những kiến thức, kỹ năng của một huấn luyện viên thực thụ theo từng phân môn. Không giống như các nghề nghiệp khác, nghề thầy giáo có công cụ lao động rất đặc biệt, là nghề "lấy nhân cách để hình thành nhân cách". Ý thức được điều đó, SV ngành GDTH luôn có những kết quả học tập, nghiên cứu khoa học cao so với các ngành ngoài sư phạm.

Thái độ học tập của SV nói chung là tốt và tích cực. Đa số các em trân trọng việc học, trường lớp và thầy cô, tin tưởng vào tương lai nghề nghiệp. Các em nghiêm túc trong học tập, kiểm tra và thi, tuân

thủ kỷ luật học tập và nội quy của trường lớp, hăng hái tham gia các hoạt động của Đoàn TNCS và các phong trào xã hội của trường, kể cả những phong trào văn hóa, văn nghệ, hỗ trợ mùa thi, hoạt động nhân đạo v.v...

2.4. Năng lực dạy học phân hóa của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương

Để đánh giá thực trạng năng lực DHPH cho SV ngành GDTH một cách khách quan, chính xác, nhóm tác giả chia sự đánh giá theo thang thứ bậc của Likert (thang 5 mức độ) và được thay thế theo thang điểm đánh giá tương ứng lần lượt là 1, 2, 3, 4 và 5. Với thang điểm này, cách tính điểm chênh lệch giữa các mức độ của mỗi năng lực là: Lấy điểm cao nhất là 5 trừ đi điểm thấp nhất là 1 và chia cho 5, được điểm chênh lệch của mỗi mức độ là 0,8. Do đó, thang đo cho từng năng lực như sau: năng lực yếu, 1.0 – 1.80; năng lực trung bình, 1.81 – 2.60; năng lực khá, 2.61-3.40; năng lực tốt, 3.41-4.20; năng lực rất tốt, 4.21-5.0. Các dữ liệu thu được qua xử lý, phân tích bằng phần mềm xử lý dữ liệu SPSS 20.0, tác giả đã thu được các thông số bao gồm giá trị điểm trung bình (ĐTB), trung bình chung (TBC) trên mẫu SV được điều tra như sau:

Bảng 1: Biểu hiện năng lực dạy học phân hóa của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo đánh giá của giảng viên

TT	Biểu hiện năng lực dạy học phân hóa	K20 (71 SV)		K21 (64 SV)		K22 (85 SV)	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
NL1	Năng lực nghiên cứu đặc điểm tâm lý và phân loại HS	4.19	0.667	3.01	0.664	3.19	0.657
NL2	Năng lực thiết kế bài học theo hướng phân hóa	4.15	0.656	3.85	0.658	3.61	0.618
NL3	Năng lực tổ chức thực hiện bài học phân hóa	4.06	0.664	3.26	0.664	3.16	0.664
NL4	Năng lực quản lý hoạt động dạy học và quản lý HS	3.98	0.529	3.78	0.609	2.78	0.603
NL5	Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS	4.07	0.605	3.45	0.701	3.05	0.715
TB Chung		4.07	0.632	3.59	0.657	3.15	0.658

Kết quả khảo sát giảng viên về các biểu hiện năng lực dạy học phân hóa (năng lực DHPH) của SV (SV) ngành GDTH được trình bày ở Bảng 1 cho thấy nhìn chung năng lực DHPH của SV đạt từ mức khá đến tốt, tuy nhiên có sự khác biệt đáng kể giữa các khóa đào tạo. Điểm trung bình chung của các nhóm năng lực ở khóa K20 đạt 4,07 điểm, thuộc mức tốt; khóa K21 đạt 3,59 điểm, thuộc mức tốt; trong khi khóa K22 chỉ đạt 3,15 điểm, thuộc mức khá. Kết quả này phản ánh xu hướng phát triển năng lực theo tiến trình đào tạo, theo đó SV các khóa trên có mức độ hình thành và phát triển năng lực DHPH cao hơn SV các khóa dưới. Điều này có thể được lý giải bởi SV năm cuối đã được trang bị hệ thống kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tương đối đầy đủ, đồng thời có nhiều cơ hội tham gia thực hành, thực tập nghề nghiệp tại các trường tiểu học. Ngược lại, SV các khóa dưới còn hạn chế về trải nghiệm thực tiễn nên việc vận dụng kiến thức vào các tình huống dạy học phân hóa chưa thực sự hiệu quả.

Xét theo từng thành tố năng lực, kết quả cho thấy năng lực thiết kế bài học theo hướng phân hóa (năng lực 2) là thành tố được đánh giá cao nhất ở cả ba khóa học. Điểm trung bình của năng lực này lần lượt đạt 4,15 điểm ở K20, 3,85 điểm ở K21 và 3,61 điểm ở K22, đều thuộc mức tốt. Điều này cho thấy chương trình đào tạo đã chú trọng phát triển cho SV khả năng xây dựng kế hoạch dạy học đáp ứng sự khác biệt của người học. SV bước đầu biết xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các nhóm đối tượng HS khác nhau. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai hiệu quả dạy học phân hóa trong thực tiễn GDTH.

Trong khi đó, năng lực nghiên cứu đặc điểm tâm lý và phân loại HS (năng lực 1) có sự chênh lệch khá lớn giữa các khóa. SV K20 đạt 4,19 điểm (mức tốt), trong khi K21 và K22 chỉ đạt lần lượt 3,01 và 3,19 điểm (mức khá). Kết quả này cho thấy việc nhận diện đặc điểm cá nhân, nhu cầu, năng lực và sự khác biệt của HS là một năng lực đòi hỏi sự trải nghiệm thực tiễn và kỹ năng quan sát sư phạm. SV các khóa dưới chưa có nhiều cơ hội tiếp xúc trực tiếp với HS nên việc nghiên cứu và phân loại đối tượng học tập còn gặp nhiều khó khăn.

Đối với năng lực tổ chức thực hiện bài học phân hóa (năng lực 3), điểm trung bình của K20 đạt 4,06 điểm (mức tốt), trong khi K21 và K22 chỉ đạt tương ứng 3,26 và 3,16 điểm (mức khá). Kết quả này phản ánh thực tế rằng mặc dù SV có khả năng thiết kế bài học tương đối tốt nhưng việc triển khai các hoạt

động dạy học phân hóa trong lớp học còn nhiều hạn chế. Điều này cho thấy khoảng cách giữa năng lực lập kế hoạch và năng lực thực thi kế hoạch dạy học vẫn còn tồn tại, đặc biệt ở những SV chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế.

Tương tự, năng lực quản lý hoạt động dạy học và quản lý HS (năng lực 4) cũng có sự khác biệt đáng kể giữa các khóa. SV K20 và K21 đạt mức tốt với điểm trung bình lần lượt là 3,98 và 3,78 điểm, trong khi K22 chỉ đạt 2,78 điểm (mức khá). Đây là năng lực có điểm số thấp nhất của SV K22. Kết quả này cho thấy việc điều hành lớp học, tổ chức hoạt động nhóm, duy trì kỷ luật tích cực và xử lý các tình huống sư phạm trong môi trường DHPH vẫn là những thách thức đối với SV ở giai đoạn đầu của quá trình đào tạo.

Bên cạnh đó, năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS (năng lực 5) được giảng viên đánh giá ở mức tốt đối với K20 (4,07 điểm) và K21 (3,45 điểm), nhưng chỉ đạt mức khá ở K22 (3,05 điểm). Kết quả này cho thấy SV đã bước đầu hình thành khả năng sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau trong dạy học phân hóa, song việc xây dựng công cụ đánh giá phù hợp với từng nhóm HS và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học vẫn còn hạn chế.

Từ những kết quả trên có thể nhận thấy năng lực DHPH của SV ngành GDTH đã được hình thành trong quá trình đào tạo nhưng chưa phát triển đồng đều giữa các thành tố năng lực. SV có xu hướng đạt kết quả cao hơn ở những năng lực mang tính lý thuyết và lập kế hoạch, trong khi các năng lực đòi hỏi sự tương tác trực tiếp với HS và kinh nghiệm thực tiễn như nghiên cứu đặc điểm HS, tổ chức dạy học phân hóa, quản lý lớp học và đánh giá phân hóa còn nhiều hạn chế. Điều này cho thấy cần tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, thực hành sư phạm và ứng dụng công nghệ số trong tổ chức dạy học phân hóa nhằm phát triển toàn diện năng lực DHPH cho SV, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay.

2.5. Biện pháp phát triển năng lực dạy học phân hóa của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương

Trên cơ sở phân tích thực trạng năng lực dạy học phân hóa của SV ngành GDTH Trường Đại học Hùng Vương, việc đề xuất các biện pháp phát triển năng lực này là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay.

2.5.1. Nâng cao nhận thức cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương về sự cần thiết phải phát triển năng lực dạy học phân hóa

Giúp SV nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của năng lực dạy học phân hóa trong bối cảnh đổi mới GDPT hiện nay; từ đó hình thành động cơ, thái độ tích cực và ý thức tự giác trong quá trình rèn luyện, phát triển năng lực dạy học phân hóa đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho SV các chủ trương, chính sách và yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 về DHPH; lồng ghép nội dung phát triển năng lực dạy học phân hóa trong các học phần nghiệp vụ sư phạm và hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp. Đồng thời, tạo cơ hội cho SV tiếp cận các tình huống thực tiễn, giao lưu với giáo viên tiểu học có kinh nghiệm và tham gia các hội thảo chuyên đề nhằm giúp SV hiểu rõ vai trò của dạy học phân hóa trong việc đáp ứng sự khác biệt của HS, từ đó nâng cao trách nhiệm và chủ động phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2.5.2. Xây dựng và triển khai quy trình phát triển năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số

Mục đích của biện pháp này là hỗ trợ SV ngành GDTH phát triển một cách hệ thống năng lực dạy học tích hợp đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT và chuyển đổi số, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của các trường tiểu học vùng trung du và miền núi.

Biện pháp được thực hiện thông qua quy trình gồm 8 bước: xác định năng lực cần phát triển; xác định nhu cầu phát triển; xây dựng mục tiêu phát triển về kiến thức, kỹ năng và thái độ; thiết kế khung năng lực dạy học tích hợp; xác định nội dung phát triển gắn với lý thuyết và thực hành; xây dựng kế hoạch rèn luyện phù hợp với điều kiện thực tiễn; tổ chức các hoạt động phát triển năng lực thông qua

tự học, thực hành, dự án và ứng dụng công nghệ số; cuối cùng là đánh giá kết quả theo tiếp cận năng lực để điều chỉnh và nâng cao hiệu quả đào tạo. Quy trình bảo đảm tính liên tục, khoa học và gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo ở trường đại học với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.5.3. Tổ chức các hoạt động rèn nghề thường xuyên tại các cơ sở giáo dục tiểu học

Tạo điều kiện cho SV được thường xuyên tiếp cận môi trường GDTH thực tiễn, qua đó củng cố và vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đã học vào thực tế. Đồng thời, giúp SV hiểu rõ yêu cầu nghề nghiệp, phát hiện và khắc phục những hạn chế của bản thân, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo ở trường đại học và thực tiễn nghề nghiệp tại các cơ sở GDTH.

Tăng cường các hoạt động rèn nghề tại trường tiểu học ngay từ năm thứ nhất đến năm thứ tư thông qua dự giờ, quan sát, trải nghiệm và thực hành nghề nghiệp. Nhà trường phối hợp với các cơ sở GDTH xây dựng kế hoạch rèn nghề phù hợp, tạo điều kiện cho SV tham gia các hoạt động chuyên môn, dự giờ các tiết dạy mẫu và trao đổi kinh nghiệm với giáo viên. Sau mỗi hoạt động thực tế, SV tổ chức thảo luận, tự đánh giá và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp. Việc phối hợp chặt chẽ giữa trường đại học và trường tiểu học góp phần gắn kết lý luận với thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực dạy học phân hóa của SV ngành GDTH Trường Đại học Hùng Vương đạt từ mức khá đến tốt và có xu hướng phát triển theo tiến trình đào tạo. SV có ưu thế ở năng lực thiết kế bài học theo hướng phân hóa, trong khi các năng lực tổ chức thực hiện, quản lý lớp học và kiểm tra, đánh giá HS còn hạn chế, đặc biệt ở các khóa dưới. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất ba biện pháp phát triển năng lực dạy học phân hóa cho SV, gồm: nâng cao nhận thức về dạy học phân hóa, xây dựng quy trình phát triển năng lực trong bối cảnh chuyển đổi số và tăng cường các hoạt động rèn nghề tại cơ sở GDTH. Trong thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu và đánh giá hiệu quả của các biện pháp đề xuất thông qua thực nghiệm sư phạm nhằm hoàn thiện mô hình phát triển năng lực dạy học phân hóa cho SV ngành GDTH.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí bởi Trường Đại học Hùng Vương qua đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Phát triển năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương”, mã số: HV19.2024.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
Đặng Thành Hưng (2008). Cơ sở sư phạm của dạy học phân hóa. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 38, 30–32.
Nguyễn Thị Thanh Hiền, & Lê Thị Hồng Chi (2024). Đề xuất quy trình phát triển năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương. *Tạp chí Giáo dục*, 24(Số đặc biệt 12), 41–45.
Nguyễn Thị Thu Hương (2016). Phát triển năng lực dạy học phân hóa - nội dung quan trọng trong đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, 377.
Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số: 43/2019/QH14, ngày 14/ 6/2019.
Tomlinson, C. A. (2014). *The differentiated classroom: Responding to the needs of all learners*. ASCD.